

Số: 71/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2022, cụ thể như sau:**

1. Thông qua danh mục 52 công trình, dự án cần thu hồi đất (bổ sung) trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 169,66 ha.

*(Chi tiết toàn tỉnh theo Phụ lục 1 và chi tiết cấp huyện từ Phụ lục 1.1 đến Phụ lục 1.9 kèm theo).*

2. Thông qua danh mục 45 công trình dự án xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2022 với tổng diện tích 70,25 ha.

*(Chi tiết toàn tỉnh theo Phụ lục 2 và chi tiết cấp huyện từ Phụ lục 2.1 đến Phụ lục 2.8 kèm theo).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này, các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai để phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022 và chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Trung Dũng**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1. TỌNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**  
(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Số dự án càn thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)				Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Phụ lục chi tiết
				LUA	RPH	RĐD	Đất khác		NS TW	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Doanh nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>52</b>	<b>169,66</b>	<b>73,74</b>	<b>7,23</b>		<b>88,69</b>	<b>166,61</b>	<b>17,93</b>	<b>125,15</b>	<b>4,31</b>	<b>3,00</b>	<b>16,23</b>	
1	Thành phố Hà Tĩnh	2	1,07	0,62			0,45	2,20			0,20		2,00	Phụ lục 1.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	1	2,97	2,71			0,26	6,00			4,00	2,00		Phụ lục 1.2.
3	Thị xã Kỳ Anh	4	37,70	0,30	3,00		34,40	27,20		17,00			10,20	Phụ lục 1.3.
4	Huyện Thạch Hà	14	20,26	13,36			6,90	35,16		35,16				Phụ lục 1.4.
5	Huyện Cẩm Xuyên	8	20,85	13,80	3,53		3,52	7,47		6,46			1,01	Phụ lục 1.5.
6	Huyện Hương Sơn	3	20,36	17,40	0,70		2,26	25,83	17,93	6,97	0,11		0,82	Phụ lục 1.6.
7	Huyện Đức Thọ	3	9,40	2,40			7,00	6,64		4,44			2,20	Phụ lục 1.7.
8	Huyện Can Lộc	5	19,41	17,90			1,51	29,82		29,82				Phụ lục 1.8.
9	Huyện Kỳ Anh	12	37,64	5,25			32,39	26,29		25,29		1,00		Phụ lục 1.9.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1.1. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022  
CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất công trình năng lượng</b>	<b>0,62</b>	<b>0,62</b>					<b>2,00</b>						<b>2,00</b>	
1	Dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây thành phố Hà Tĩnh	0,62	0,62				Phường Thạch Linh	2,00						Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>0,45</b>				<b>0,45</b>		<b>0,20</b>			<b>0,20</b>				
1	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	0,45				0,45	Phường Thạch Linh	0,20			0,20			Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh	
<b>2</b>	<b>Tổng: 02 hạng mục</b>	<b>1,07</b>	<b>0,62</b>			<b>0,45</b>		<b>2,20</b>			<b>0,20</b>		<b>2,00</b>		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1.2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022  
CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+ (6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+.... +(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>2,97</b>	<b>2,71</b>			<b>0,26</b>		<b>6,00</b>			<b>4,00</b>	<b>2,00</b>			
1	Khu dân cư Mù Tý, thôn Đồi Cao	2,97	2,71			0,26	Xã Thuận Lộc	6,00			4,00	2,00		Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 8/5/2020 của UBND thị xã phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND thị xã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
<b>1</b>	<b>Tổng: 01 hạng mục</b>	<b>2,97</b>	<b>2,71</b>			<b>0,26</b>		<b>6,00</b>			<b>4,00</b>	<b>2,00</b>			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1.3. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022  
CỦA THỊ XÃ KỶ ANH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>3,00</b>				<b>3,00</b>		<b>2,00</b>		<b>2,00</b>					
1	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	3,00				3,00	Xã Kỳ Hoa	2,0		2,0				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>II</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>	<b>17,70</b>				<b>17,70</b>		<b>15,00</b>		<b>15,00</b>					
1	Bãi thải phục vụ Dự án đường cao tốc Bắc - Nam	17,70				17,70	Phường Hưng Trí	15,00		15,00				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>III</b>	<b>Đất công trình năng lượng</b>	<b>17,00</b>	<b>0,30</b>	<b>3,00</b>		<b>13,70</b>		<b>10,20</b>					<b>10,20</b>		
1	Bổ sung hạng mục Hệ thống nước làm mát, trạm bơm, cầu cảng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng II (Điều chỉnh từ hạng mục Bãi chứa vật tư bổ sung phục vụ thi công Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021)	0,63				0,63	Thôn Hải Phong, Xã Kỳ Lợi	0,38					0,38	Quyết định số 24/QĐ-KKT ngày 05/3/2019 của BQLKKT tỉnh; Văn bản 439/KKT-QHXD ngày 14/4/2022 của BQLKKT	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Điều chỉnh giám Bãi chứa vật tư bổ sung phục vụ thi công Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II từ 17,7ha (đã được thông qua tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 16/12/2021) xuống 16,37ha do điều chỉnh sang hạng mục Hệ thống nước làm mát, trạm bơm, cầu cảng	16,37	0,30	3,00		13,07	Thôn Hải Phong, Xã Kỳ Lợi	9,82					9,82	Quyết định số 24/QĐ-KKT ngày 05/3/2019 của BQLKKT tỉnh; Văn bản 439/KKT-QHXD ngày 14/4/2022 của BQLKKT	
4	<b>TỔNG: 04 danh mục</b>	<b>37,70</b>	<b>0,30</b>	<b>3,00</b>		<b>34,40</b>		<b>27,20</b>		<b>17,00</b>			<b>10,20</b>		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1.4. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022**  
**CỦA HUYỆN THẠCH HÀ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>	<b>11,20</b>	<b>5,54</b>			<b>5,66</b>		<b>23,22</b>		<b>23,22</b>					
1	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Ngọc	1,10	0,17			0,93	Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	0,24		0,24				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
2	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Ngọc	0,50	0,01			0,49	Thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	0,05		0,05				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
3	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Ngọc, Việt Tiến	5,00	4,60			0,4	Thôn Đông Châu, xã Thạch Ngọc, xã Việt	6,52		6,52				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
4	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Đài	0,60	0,21			0,39	Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	0,30		0,30				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
5	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Đài	2,00	0,55			1,45	Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	0,81		0,81				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
6	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Xuân	2,00				2,00	Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	15,30		15,30				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>II</b>	<b>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</b>	<b>0,30</b>	<b>0,28</b>			<b>0,02</b>		<b>0,40</b>		<b>0,40</b>					



STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
1	Khu nghĩa trang di dời do đường cao tốc tại xã Thạch Đài	0,30	0,28			0,02	Vùng Thát Lát, thôn Kỳ Sơn, xã Thạch Đài	0,40		0,40					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>III</b>	<b>Đất ở nông thôn</b>	<b>8,76</b>	<b>7,54</b>			<b>1,22</b>		<b>11,54</b>		<b>11,54</b>						
1	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Xuân	0,36	0,34			0,02	Đồng Bồng, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	0,48		0,48					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
2	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc	1,24	1,10			0,14	Đồng Cửa Trộc, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	1,56		1,56					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
3	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Lưu Vĩnh Sơn	4,43	4,03			0,40	Đồng Cửa Trùa, thôn Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn	5,85		5,85					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
4	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	0,34	0,30			0,04	Đồng Vực, thôn Bình Tiến, xã Tân Lâm Hương	0,43		0,43					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
5	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	1,00	0,90			0,10	Đồng Dung, thôn Văn Bình, xã Tân Lâm Hương	1,28		1,28					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
6	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Nam Điền	0,64	0,62			0,02	Xã Nam Điền	0,88		0,88					Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
7	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	0,75	0,25			0,50	Tân Lâm hương, Thạch Đài	1,06		1,06					Bản vẽ QHCT 1/500 do UBND tỉnh phê duyệt ngày 09/12/2021	
<b>14</b>	<b>Tổng: 14 hạng mục</b>	<b>20,26</b>	<b>13,36</b>			<b>6,90</b>		<b>35,16</b>		<b>35,16</b>						

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1.5. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022  
CỦA HUYỆN CẨM XUYÊN**

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+....+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>15,79</b>	<b>12,27</b>			<b>3,52</b>		<b>6,46</b>		<b>6,46</b>					
1	Tái định cư cao tốc, thôn Na Trung	1,63	1,62			0,01	Xã Cẩm Thạch	0,82		0,82				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
2	Tái định cư cao tốc, thôn Thống Nhất	3,36	2,75			0,61	Xã Cẩm Duệ	1,39		1,39				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
3	Tái định cư cao tốc, thôn Hưng Tân	1,40				1,40	Xã Cẩm Hưng	0,10		0,10				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
4	Tái định cư cao tốc, thôn 5 thôn Hoàng Sơn (thôn 5 cũ), thôn Tiên Thắng	1,50	1,00			0,50	Xã Cẩm Thịnh	0,46		0,46				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
5	Tái định cư cao tốc, thôn Thượng Sơn	2,12	2,03			0,09	Xã Cẩm Sơn	0,95		0,95				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
6	Tái định cư cao tốc, thôn Hưng Đạo, thôn Lạc Thọ, thôn Hà Văn	3,61	2,70			0,91	Xã Cẩm Lạc	1,74		1,74				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
7	Tái định cư cao tốc, thôn 1	2,17	2,17				Xã Cẩm Minh	1,00		1,00				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>II</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>5,06</b>	<b>1,53</b>	<b>3,53</b>				<b>1,01</b>					<b>1,01</b>		

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
1	Khu đô thị du lịch sinh thái Thiên Cầm	5,06	1,53	3,53			Thị trấn Thiên Cầm	1,01						1,01	Quyết định số 4063/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 quyết định về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị du lịch sinh thái Thiên Cầm tại thị trấn Thiên Cầm, huyện Cẩm Xuyên	
8	<b>Tổng: 08 danh mục</b>	<b>20,85</b>	<b>13,80</b>	<b>3,53</b>		<b>3,52</b>		<b>7,47</b>		<b>6,46</b>				<b>1,01</b>		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1.6. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022**  
**CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>18,56</b>	<b>16,80</b>			<b>1,76</b>		<b>24,90</b>	<b>17,93</b>	<b>6,97</b>					
1	Nâng cấp, mở rộng QL8C	18,56	16,80			1,76	Các xã: Sơn Long, Tân Mỹ Hà, An Hòa Thịnh, Sơn Ninh, Sơn Trung huyện Hương Sơn	24,90	17,93	6,97				Quyết định số 268/QĐ-BGTVT ngày 03/3/2022 của Bộ Giao thông vận	
<b>II</b>	<b>Đất thủy lợi</b>	<b>0,70</b>		<b>0,70</b>				<b>0,11</b>			<b>0,11</b>				
1	Nâng cấp cải tạo các hồ đập (Hồ Khe Cò)	0,70		0,70			Xã Sơn Tiến	0,11			0,11			Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	
<b>III</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>1,10</b>	<b>0,60</b>			<b>0,50</b>		<b>0,82</b>					<b>0,82</b>		
1	Khu dân cư đô thị Bắc Phố Châu 1 (QH đất ở mới 4,0 ha; đất thương mại 1,3 ha; đất công cộng khác 4,9 ha...)	1,10	0,60			0,50	TT Phố Châu; Xã Sơn Trung	0,82					0,82	Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	
<b>3</b>	<b>Tổng: 03 hạng mục</b>	<b>20,36</b>	<b>17,40</b>	<b>0,70</b>		<b>2,26</b>		<b>25,83</b>	<b>17,93</b>	<b>6,97</b>	<b>0,11</b>		<b>0,82</b>		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1.7. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022**  
**CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+(14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>0,60</b>	<b>0,60</b>					<b>2,20</b>					<b>2,20</b>		
1	Bến xe huyện Đức Thọ	0,60	0,60				Thị trấn Đức Thọ	2,20					2,20	Văn bản số 1606/UBND-GT ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>					<b>1,30</b>		<b>1,30</b>					
1	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	1,00	1,00				Xã Thanh Bình Thịnh	1,30		1,30				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>III</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>	<b>7,80</b>	<b>0,80</b>			<b>7,00</b>		<b>3,14</b>		<b>3,14</b>					
1	Bãi thải phục vụ cao tốc Bắc - Nam	7,80	0,80			7,00	Xã Thanh Bình Thịnh, xã Yên Hồ	3,14		3,14				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>3</b>	<b>TỔNG: 03 danh mục</b>	<b>9,40</b>	<b>2,40</b>			<b>7,00</b>		<b>6,64</b>		<b>4,44</b>			<b>2,20</b>		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1.8. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẢN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022  
CỦA HUYỆN CAN LỘC**

(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện Bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(10)+...+. (14)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
<b>I</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>19,41</b>	<b>17,90</b>			<b>1,51</b>		<b>29,82</b>		<b>29,82</b>						
1	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	4,90	4,50			0,40	Thôn Phúc Yên, Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	7,50		7,50				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ		
2	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	4,80	4,40			0,40	Thôn Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	7,33		7,33						
3	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Trung Lộc	3,00	2,70			0,30	Thôn Minh Hương, xã Trung Lộc	4,50		4,50						
4	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Quang Lộc	2,87	2,80			0,07	Thôn Yên Lạc, xã Quang Lộc	4,66		4,66						
5	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Sơn Lộc	3,84	3,50			0,34	Thôn Thịnh Lộc, xã Sơn Lộc	5,83		5,83						
<b>5</b>	<b>Tổng: 05 hạng mục</b>	<b>19,41</b>	<b>17,90</b>			<b>1,51</b>		<b>29,82</b>		<b>29,82</b>						

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 1.9. TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÀN THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2022  
CỦA HUYỆN KỶ ANH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã...)	Khái toán kinh phí thực hiện (9)=(10)+...+(14)	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
<b>I</b>	<b>Đất cơ sở giáo dục</b>	<b>0,18</b>	<b>0,18</b>					<b>0,50</b>				<b>0,50</b>			
1	MR trường mầm non Kỳ Giang	0,18	0,18				Xã Kỳ Giang	0,50				0,50		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang về Danh mục các công trình khởi công mới năm 2022	
<b>II</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>7,37</b>	<b>5,07</b>			<b>2,30</b>		<b>7,90</b>		<b>7,40</b>		<b>0,50</b>			
1	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	3,70	3,70				Xã Kỳ Phong	4,00		4,00				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
2	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	2,06	1,21			0,85	Xã Kỳ Văn	2,00		2,00				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
3	Khu Tái định cư Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông	1,40				1,40	Xã Kỳ Trung	1,40		1,40				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
4	Hạ tầng dân cư thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng (tồn đọng về GPMB)	0,13	0,08			0,05	Xã Kỳ Đồng	0,30				0,30		Quyết định số 10151/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND huyện Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
5	Hạ tầng khu dân cư Đồng Mai Cáng- xã Kỳ Đồng (tồn đọng về GPMB)	0,04	0,04				Xã Kỳ Đồng	0,10				0,10		Quyết định số 6661/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt quy hoạch phân lô sử dụng đất khu dân cư vùng Đồng Mai Cáng, thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng	Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15/12/2016
6	Hạ tầng dân cư vùng Bàu thôn Xuân Tiến, xã Kỳ Xuân (tồn đọng về GPMB)	0,04	0,04				Xã Kỳ Xuân	0,10				0,10		Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND xã Kỳ Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu dân cư vùng Bàu thôn Xuân Tiến, xã Kỳ Xuân	Đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 13/12/2018
<b>III</b>	<b>Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa</b>	<b>7,16</b>				<b>7,16</b>		<b>4,40</b>		<b>4,40</b>					
1	Nghĩa trang phục vụ di dời mồ mã bị ảnh hưởng Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	4,86				4,86	Xã Kỳ Văn	3,00		3,00				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
2	Nghĩa trang phục vụ di dời mồ mã bị ảnh hưởng Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông	2,30				2,30	Xã Kỳ Tân	1,40		1,40				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
<b>IV</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>	<b>22,93</b>				<b>22,93</b>		<b>13,49</b>		<b>13,49</b>					
1	Đất bãi thải số 01 tại xã Kỳ Lạc phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam	6,92				6,92	Kỳ Lạc	4,20		4,20				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích thu hồi đất (ha)	Sử dụng từ loại đất (ha)				Địa điểm (Thôn..., xã....)	Khái toán kinh phí thực hiện	Nguồn kinh phí thực hiện (tỷ đồng)					Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD	Đất khác			NS TW	NS tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã	Doanh nghiệp		
2	Đất bãi thải số 02 tại xã Kỳ Lạc phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam	15,51				15,51	Kỳ Lạc	9,00		9,00				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
3	Đất bãi thải tại xã Kỳ Tân phục vụ dự án đường cao tốc Bắc Nam	0,50				0,50	Kỳ Tân	0,29		0,29				Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>12</b>	<b>Tổng; 12 hạng mục</b>	<b>37,64</b>	<b>5,25</b>			<b>32,39</b>		<b>26,29</b>		<b>25,29</b>		<b>1,00</b>			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG BỒ SUNG NĂM 2022 CỦA TỈNH HÀ TĨNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên huyện, thị xã, thành phố	Tổng công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất	Tổng diện tích chuyên mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Ghi chú
				LUA	RPH	RĐD	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>70,25</b>	<b>66,02</b>	<b>4,23</b>		
1	Thành phố Hà Tĩnh	2	1,89	1,89			Phụ lục 2.1.
2	Thị xã Hồng Lĩnh	1	2,71	2,71			Phụ lục 2.2.
3	Huyện Thạch Hà	15	15,12	15,12			Phụ lục 2.3.
4	Huyện Cẩm Xuyên	8	20,73	17,20	3,53		Phụ lục 2.4.
5	Huyện Hương Sơn	2	1,30	0,60	0,70		Phụ lục 2.5.
6	Huyện Đức Thọ	5	4,35	4,35			Phụ lục 2.6.
7	Huyện Can Lộc	5	17,90	17,90			Phụ lục 2.7.
8	Huyện Kỳ Anh	7	6,25	6,25			Phụ lục 2.8.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2.1. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất công trình năng lượng</b>	<b>0,62</b>	<b>0,62</b>					
1	Dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV đi chung phục vụ giải phóng, phát triển quỹ đất phía Tây thành phố Hà Tĩnh	0,62	0,62			Phường Thạch Linh	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>	<b>1,27</b>	<b>1,27</b>					
1	Xây dựng trụ sở làm việc của toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	1,27	1,27			TDP 2. Phường Nguyễn Du	Quyết định số 67/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 9/4/2021 của Tòa án nhân dân tối cao quyết định về chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.	
<b>2</b>	<b>Tổng: 02 hạng mục</b>	<b>1,89</b>	<b>1,89</b>					

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.2. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA THỊ XÃ HỒNG LĨNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyên mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Đất ở tại nông thôn	2,71	2,71					
1	Khu dân cư Mù Tý, thôn Đồi Cao	2,71	2,71			Xã Thuận Lộc	Quyết định số 789/QĐ-UBND ngày 8/5/2020 của UBND thị xã phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND thị xã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
1	<b>Tổng: 01 hạng mục</b>	<b>2,71</b>	<b>2,71</b>					

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2.3. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA HUYỆN THẠCH HÀ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyên mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>	<b>0,01</b>	<b>0,01</b>					
1	Mở rộng Công ty Tuấn Anh tại xã Thạch Đài	0,01	0,01			Xã Thạch Đài	QĐ 75/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>	<b>5,54</b>	<b>5,54</b>					
1	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Ngọc	0,17	0,17			Thôn Mỹ Châu, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
2	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Ngọc	0,01	0,01			Thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
3	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Ngọc, Việt Tiến	4,60	4,60			Thôn Đông Châu, xã Thạch Ngọc, xã Việt Tiến	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
4	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Đài	0,21	0,21			Thôn Bàu Láng, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
5	Bãi tập kết vật liệu thải phục vụ dự án đường Cao tốc tại xã Thạch Đài	0,55	0,55			Thôn Liên Vinh, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>III</b>	<b>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</b>	<b>0,28</b>	<b>0,28</b>					
1	Khu nghĩa trang di dời do đường cao tốc tại xã Thạch Đài	0,28	0,28			Vùng Thát Lát, thôn Kỳ Sơn, xã Thạch Đài	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>IV</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>7,54</b>	<b>7,54</b>					



STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Xuân	0,34	0,34			Đồng Bông, thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
2	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Thạch Ngọc	1,10	1,10			Đồng Cửa Trộc, thôn Ngọc Sơn, xã Thạch Ngọc	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
3	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Lưu Vĩnh Sơn	4,03	4,03			Đồng Cửa Trụa, thôn Vĩnh Cát, xã Lưu Vĩnh Sơn	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
4	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	0,30	0,30			Đồng Vực, thôn Bình Tiến, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
5	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Tân Lâm Hương	0,90	0,90			Đồng Dung, thôn Văn Bình, xã Tân Lâm Hương	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
6	Khu TĐC đường cao tốc tại xã Nam Điền	0,62	0,62			Xã Nam Điền	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
7	Quỹ đất thanh toán cho dự án tháo dỡ, xây mới DZ 110KV và 220KV	0,25	0,25			Tân Lâm hương, Thạch Đài	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/3/2020 của UBND Tỉnh Hà Tĩnh	
<b>V</b>	<b>Đất cơ sở tín ngưỡng</b>	<b>1,75</b>	<b>1,75</b>					
1	Mở rộng Miếu Mây, xã Lưu Vĩnh Sơn	1,75	1,75			Thôn Vĩnh Trung, xã Lưu Vĩnh Sơn	Bản vẽ QHCT 1/500 do UBND tỉnh phê duyệt ngày 09/12/2021	
<b>15</b>	<b>Tổng: 15 hạng mục</b>	<b>15,12</b>	<b>15,12</b>					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2.4. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA HUYỆN CẨM XUYÊN**  
(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyên mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>	<b>3,40</b>	<b>3,40</b>					
1	Trạm dừng nghỉ cao tốc Bắc - Nam	3,40	3,40			Xã Cẩm Hưng	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>II</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>12,27</b>	<b>12,27</b>					
1	Tái định cư cao tốc, thôn Na Trung	1,62	1,62			Xã Cẩm Thạch	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
2	Tái định cư cao tốc, thôn Thống Nhất	2,75	2,75			Xã Cẩm Duệ	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
3	Tái định cư cao tốc, thôn 5 thôn Hoàng Sơn (thôn 5 cũ), thôn Tiến Thắng	1,00	1,00			Xã Cẩm Thịnh	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
4	Tái định cư cao tốc, thôn Thượng Sơn	2,03	2,03			Xã Cẩm Sơn	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
5	Tái định cư cao tốc, thôn Hưng Đạo, thôn Lạc Thọ, thôn Hà Văn	2,70	2,70			Xã Cẩm Lạc	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
6	Tái định cư cao tốc, thôn 1	2,17	2,17			Xã Cẩm Minh	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>III</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>5,06</b>	<b>1,53</b>	<b>3,53</b>				
1	Khu đô thị du lịch sinh thái Thiên Cẩm	5,06	1,53	3,53		Thị trấn Thiên Cẩm	Quyết định số 4063/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị du lịch sinh thái Thiên Cẩm tại thị trấn Thiên Cẩm	
<b>8</b>	<b>Tổng: 08 công trình, dự án</b>	<b>20,73</b>	<b>17,20</b>	<b>3,53</b>				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.5. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA HUYỆN HƯƠNG SƠN**  
(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất thủy lợi</b>	<b>0,70</b>		<b>0,70</b>				
1	Nâng cấp cải tạo các hồ đập (Hồ Khe Cò)	0,70		0,70		Xã Sơn Tiên	Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>	<b>0,60</b>	<b>0,60</b>					
1	Khu dân cư đô thị Bắc Phố Châu 1 (QH đất ở mới 4,0 ha; đất thương mại 1,3 ha; đất công cộng khác 4,9 ha...)	0,60	0,60			TT Phố Châu; Xã Sơn Trung	Nghị quyết số 256/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh	
<b>2</b>	<b>Tổng: 02 hạng mục</b>	<b>1,30</b>	<b>0,60</b>	<b>0,70</b>				

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.6. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA HUYỆN ĐỨC THỌ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyên mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>0,60</b>	<b>0,60</b>					
1	Bến xe huyện Đức Thọ	0,60	0,60			Thị trấn Đức Thọ	Văn bản 1606/UBND-GT ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh	
<b>II</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>	<b>0,15</b>	<b>0,15</b>					
1	Đất Thương mại, dịch vụ	0,15	0,15			Thị trấn Đức Thọ	Văn bản 1606/UBND-GT ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh	
<b>III</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>					
1	Khu TĐC cao tốc Bắc - Nam	1,00	1,00			Xã Thanh Bình Thịnh	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>IV</b>	<b>Đất bãi thải, xử lý chất thải</b>	<b>0,80</b>	<b>0,80</b>					
1	Bãi thải phục vụ cao tốc Bắc - Nam	0,80	0,80			Xã Thanh Bình Thịnh, xã Yên Hồ	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
<b>V</b>	<b>Đất xây dựng công trình sự nghiệp</b>	<b>1,80</b>	<b>1,80</b>					
1	Cục Dự trữ Nhà nước - Kho dự trữ Đức Lâm	1,80	1,80			Lâm Trung Thủy	Quyết định 1338/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh	
5	<b>Tổng: 05 danh mục</b>	<b>4,35</b>	<b>4,35</b>					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2.7. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA HUYỆN CAN LỘC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyển mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất ở nông thôn</b>	<b>17,90</b>	<b>17,90</b>					
1	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	4,50	4,50			Thôn Phúc Yên, Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính Phủ	
2	Khu TĐC đường bộ cao tốc tại xã Kim Song Trường	4,40	4,40			Thôn Đông Vĩnh, xã Kim Song Trường		
3	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Trung Lộc	2,70	2,70			Thôn Minh Hương, xã Trung Lộc		
4	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Quang Lộc	2,80	2,80			Thôn Yên Lạc, xã Quang Lộc		
5	Khu TĐC Đường bộ cao tốc tại xã Sơn	3,50	3,50			Thôn Thịnh Lộc, xã Sơn Lộc		
<b>5</b>	<b>Tổng: 05 hạng mục</b>	<b>17,90</b>	<b>17,90</b>					

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2.8. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG ĐẶC DỤNG BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA HUYỆN KỶ ANH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyên mục đích SĐĐ (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Đất công an</b>	<b>1,00</b>	<b>1,00</b>					
1	Cơ sở làm việc trạm Cảnh sát giao thông trên tuyến QL 1A	1,00	1,00			Xã Kỳ Văn	Quyết định số 1371/QĐ-BCA-H01 ngày 25/3/2022 của Bộ Công An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cơ sở làm việc trạm Cảnh sát giao thông thuộc Phòng CSGT, Công an tỉnh Hà Tĩnh	
<b>II</b>	<b>Đất cơ sở giáo dục</b>	<b>0,18</b>	<b>0,18</b>					
1	Mở rộng trường mầm non Kỳ Giang	0,18	0,18			Xã Kỳ Giang	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Kỳ Giang về việc Danh mục các công trình khởi công mới năm 2022	
<b>III</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>	<b>5,07</b>	<b>5,07</b>					
1	Quy hoạch chi tiết các điểm khu dân cư vùng Nông Trường, Hà Phong (TĐC đường Cao tốc Bắc - Nam)	3,70	3,70			Xã Kỳ Phong	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
2	Quy đất TĐC đường cao tốc Bắc - Nam	1,21	1,21			Xã Kỳ Văn	Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11/02/2022 của Chính phủ	
3	Hạ tầng dân cư thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng	0,08	0,08			Xã Kỳ Đồng	Quyết định số 10151/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND huyện Kỳ Anh	
4	Hạ tầng khu dân cư Đồng Mai Cáng- xã Kỳ Đồng	0,04	0,04			Xã Kỳ Đồng	Quyết định số 6661/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 của UBND huyện Kỳ Anh về việc phê duyệt quy hoạch phân lô sử dụng đất khu dân cư vùng Đồng Mai Cáng, thôn Đồng Phú, xã Kỳ Đồng	

STT	Tên công trình, dự án	Tổng diện tích chuyển mục đích SDD (ha)	Sử dụng từ các loại đất (ha)			Địa điểm	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
			LUA	RPH	RDD			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
5	Hạ tầng dân cư vùng Bàu thôn Xuân Tiến, xã Kỳ Xuân	0,04	0,04			Xã Kỳ Xuân	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND xã Kỳ Xuân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hạ tầng khu dân cư vùng Bàu thôn Xuân Tiến, xã Kỳ Xuân	
7	<b>Tổng: 07 hạng mục</b>	<b>6,25</b>	<b>6,25</b>					

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**